TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/05/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Lệ

Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Đặng Thanh P, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày: Vào năm 2013 chị L và anh Đặng Thanh P do quen biết nên tự nguyện kết hôn theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 18/07/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cãi được gia đình hai bên nhắc nhở hòa giải nhiều lần nhưng mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị đã ly thân từ tháng 06/2024 cho đến nay, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 con chung tên Đặng Phúc K, sinh ngày 06/10/2014 và Đặng Phúc A, sinh ngày 01/01/2020, hai con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn tùy ý kiến Đặng Phúc K đồng ý sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người còn lại không cấp dưỡng nuôi con. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Đặng Phúc A, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gởi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P, yêu cầu nuôi hai con chung là Đặng Phúc K và Đặng Phúc A, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị L trình bày là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến ly thân từ tháng 06 năm 2024 cho đến nay. Anh P không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L là đã từ bỏ quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh P đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị L được ly hôn với anh P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L trình bày chị và anh P có 02 con chung tên Đặng

Phúc K, sinh ngày 06/10/2014 và Đặng Phúc A, sinh ngày 01/01/2020, hai con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét thấy cháu Đặng Phúc K và Đặng Phúc A đang sống với chị L, cuộc sống của cháu tốt, sức khỏe bình thường, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đặng Phúc K và Đặng Phúc A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L.

1.1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Đặng Thanh P.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Phúc K, sinh ngày 06/10/2014 và Đặng Phúc A, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Hồ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đặng Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị L phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012376 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Hồ Thị L đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung